SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI; Thời gian ký: 2025-01-31T11:14:02+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 69 /2024/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 456 /TTr-SGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024; Báo cáo thẩm định số 96/BC-STP ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

b) Quyết định này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và các tổ chức, đơn vị khác có liên quan được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (sau đây viết tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 2. Định mức tiêu hao nhiên liệu

1. Định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe ô tô xác định được mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế.

$$\text{Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/100km)} = \text{Mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế (lít/100km)} \times K1 \times K2$$

Trong đó:

a) Mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế là lượng nhiên liệu tiêu thụ của xe trên một quãng đường, ứng với điều kiện, chu trình thử nghiệm hoặc theo quy định của nhà sản xuất đối với từng loại xe và được công bố, dán nhãn năng lượng theo quy định, được lấy theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị (lít/100 km).

b) K1 là Hệ số điều chỉnh mức tiêu hao nhiên liệu từ mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế sang mức tiêu hao nhiên liệu thực tế, khi bị ảnh hưởng bởi các yếu tố hao mòn các chi tiết của xe ô tô trong quá trình sử dụng và các yếu tố khác phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, được quy định như sau:

Hệ số K1		
Xe hoạt động đến 80.000km	Xe hoạt động trên 80.000km đến 160.000km	Xe hoạt động trên 160.000km
1,2	1,25	1,3

c) K2 là hệ số điều chỉnh mức tiêu hao nhiên liệu do ảnh hưởng của các yếu tố như: loại đường, địa hình di chuyển, phụ tải điều hòa không khí, tùy thuộc vào điều kiện khai thác do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo các mức sau.

Hệ số K2		
Mức 1	Mức 2	Mức 3
Từ 1,1 đến ≤ 1,2	Trên 1,2 đến ≤ 1,3	Trên 1,3 đến ≤ 1,4

Trong đó:

- Mức 1: Áp dụng đối với các loại xe ô tô con gầm thấp.

- Mức 2: Áp dụng đối với xe ô tô con gầm cao một cầu; xe ô tô bán tải một cầu; xe ô tô trên 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô cứu thương; xe ô tô tải có trọng tải dưới 3500 kg.

- Mức 3: Áp dụng đối với xe ô tô con gầm cao hai cầu; xe ô tô bán tải hai cầu; xe ô tô tải có trọng tải từ 3500kg trở lên; xe ô tô trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe chuyên dùng có kết đặc biệt trong lĩnh vực y tế; xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế; xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng; xe ô tô có kết cấu đặc biệt.

2. Định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe ô tô không xác định được mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế, được xác định như sau:

$$\text{Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/100km)} = \text{Mức tiêu hao nhiên liệu thực tế (lít/100km)} \times K2$$

a) Mức tiêu hao nhiên liệu thực tế được xác định theo kết quả khảo sát thực tế, tính bình quân trên 100 km chạy xe theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị trên các loại đường tốt; được xác định như sau:

$$\text{Mức tiêu hao nhiên liệu thực tế (lít/100km)} = \frac{A}{C - B} \times 100$$

Trong đó:

A là số lượng nhiên liệu đổ lần thứ 2 tính theo lít.

B là số km ghi nhận khi bắt đầu đổ nhiên liệu lần đầu.

C là số km ghi nhận khi đổ nhiên liệu lần thứ 2.

Các lần đổ nhiên liệu, xe ô tô phải đỗ ở vị trí bằng phẳng và cùng vị trí đánh dấu mức nhiên liệu trong thùng đựng nhiên liệu; "C-B" là quãng đường xe chạy theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị được tính từ lần đổ nhiên liệu đầu tiên đến lần đổ nhiên liệu thứ 2, được hiểu theo cách khác là chênh lệch số km giữa 2 lần đổ nhiên liệu.

b) Hệ số K_2 thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm căn cứ Quyết định này để xác định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng loại xe, quy định cụ thể trong quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô và quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở để xây dựng dự toán, cấp phát, thanh quyết toán chi phí sử dụng nhiên liệu xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế, mức tiêu hao nhiên liệu thực tế theo quy định tại Điều 2 Quyết định này khi được đề nghị; tổng hợp các vướng mắc, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo quy định, văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ pháp chế các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như khoản 3 Điều 4 QĐ;
- Đài PT-TH; Báo Lào Cai;
- LĐ Văn phòng;
- Lưu: VT, BBT, Các CV, XD4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Trịnh Xuân Trường